

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN LẠNG GIANG  
TỈNH BẮC GIANG**

Bản án số: 30/2019/HNGĐ-ST

Ngày 10 tháng 7 năm 2019

“V/v: Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung”

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LẠNG GIANG – TỈNH BẮC GIANG**

**Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

- **Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Hằng
- **Các Hội thẩm nhân dân:** Ông Trần Thành Đô, ông Nguyễn Quang Vinh
- **Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa:** Ông Nguyễn Hoàng Cường - Thẩm tra viên TAND huyện Lạng Giang
- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lạng Giang tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Minh Tuyết – Kiểm sát viên sơ cấp.

Ngày 10 tháng 7 năm 2019, Tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lạng Giang tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 147/2019/TLST- HNGĐ ngày 16 tháng 4 năm 2019 về việc “Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 60/2019/QĐST- HNGĐ ngày 10 tháng 6 năm 2019, quyết định hoãn phiên tòa số 64/2019/QĐST-HNGĐ ngày 28/6/2019, giữa các đương sự:

**1- Nguyên đơn:** chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1990; (Có đơn xin vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn HT, xã HTh, huyện KM, tỉnh HD

**2- Bị đơn:** anh Phạm Văn B, sinh năm 1986; (vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn PhĐ, xã PhM, huyện LG, Bắc Giang

**NỘI DUNG VỤ ÁN**

Theo đơn khởi kiện ghi ngày 16/4/2019, bản tự khai và các lời khai tiếp theo nguyên đơn chị Nguyễn Thị H trình bày: Chị và anh Phạm Văn B, sinh năm: 1986 ở thôn PhĐ, xã PhM, huyện LG, tỉnh Bắc Giang kết hôn trên cơ sở tự nguyện, đã đăng ký kết hôn tại UBND xã HT, huyện KM, tỉnh Hải Dương ngày 15/5/2011 và có tổ chức lễ cưới theo phong tục, tập quán. Sau khi kết hôn, vì lý do công việc nên vợ chồng chị sinh sống tại Hải Dương quê chị. Năm 2017, anh B mua xe ô tô tải rồi chuyển về quê nhà anh B trên LG làm ăn, sinh sống, còn chị vẫn ở Hải Dương. Sau đó anh B có quan hệ chơi bời với nhiều người phụ nữ khác, không quan tâm, chăm lo cho gia đình, mâu thuẫn vợ chồng nảy sinh, chị không về ở cùng anh B nữa. Năm 2018 chị gửi đơn ra Tòa xin ly hôn, nhưng sau đó gia đình hai bên khuyên bảo, chị đã rút đơn và đưa con về gia đình chồng để chung sống với anh B, mục đích hòa giải mâu thuẫn, cải thiện tình cảm vợ chồng. Nhưng khi về chung sống, anh B vẫn chơi bời, không quan tâm đến vợ con, sau một tháng như vậy chị quyết định đưa con về

nhà ngoại. Nay chị xác định mâu thuẫn vợ chồng chị đã trầm trọng, kéo dài, không thể hòa giải, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị và anh B ly hôn.

Về con chung: Vợ chồng có con chung là Phạm Tuấn K, sinh ngày 12/5/2011, hiện con khỏe mạnh. Chị yêu cầu được nuôi con chung. Về cấp dưỡng nuôi con, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, công nợ chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Phạm Văn B đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, song anh Bính không đến Tòa án làm việc, không trình bày ý kiến, quan điểm đối với yêu cầu khởi kiện ly hôn.

Bà Đỗ Thị M là mẹ đẻ anh Phạm Văn B xác nhận anh B đã nhận được các văn bản tố tụng của Tòa án giao gửi. Bà xác nhận tình trạng hôn nhân, mâu thuẫn giữa chị H và anh B đúng như lời khai của chị H, gia đình bà có hòa giải song không được, nay bà đề nghị Tòa án xem xét giải quyết yêu cầu của chị H theo quy định của pháp luật.

Cháu Phạm Tuấn K xin được ở cùng mẹ.

Tại phiên tòa, chị Hn xin vắng mặt vì lý do công việc, chị H vẫn giữ nguyên ý kiến, yêu cầu khởi kiện. Anh B vắng mặt tại phiên tòa không có lý do.

Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Lạng Giang tại phiên tòa đã phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của thẩm phán, Hội đồng xét xử, của thư ký là đúng quy định của pháp luật. Việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn từ khi thụ lý vụ án cho đến trước khi Hội đồng xét xử nghị án đều đảm bảo thực hiện nghiêm túc, đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình. Đối với bị đơn đã không chấp hành pháp luật, cố tình trốn tránh không đến Tòa án làm việc. Tại phiên tòa, nguyên đơn xin vắng mặt, bị đơn vắng mặt không có lý do chính đáng nên HĐXX xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn là đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về nội dung vụ án, kiểm sát viên đã phân tích, đánh giá thực trạng mâu thuẫn giữa chị H, anh B, xét tình trạng mâu thuẫn kéo dài, gay gắt không thể hòa giải nên đề nghị áp dụng điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình để xử cho chị H, anh B ly hôn. Về con chung, đề nghị giao chị H nuôi dưỡng, chăm sóc cháu Phạm Tuấn K, sinh ngày 12/5/2011, về cấp dưỡng nuôi con không đặt ra xem xét. Về án phí, chị H phải chịu án phí ly hôn theo quy định của pháp luật. Về quyền kháng cáo, các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, sau khi thẩm tra các chứng cứ tại phiên tòa; Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Đơn khởi kiện của chị Nguyễn Thị H cùng các tài liệu nộp theo đơn là hợp lệ, đảm bảo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về hình thức, nội dung đơn

khởi kiện. Đây là tranh chấp về ly hôn, nuôi con theo khoản 1 điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Lạng Giang.

[2]. Về thủ tục tố tụng: Tòa án nhân dân huyện Lạng Giang đã thụ lý, giải quyết vụ án theo đúng trình tự thủ tục tố tụng dân sự pháp luật đã quy định. Đối với nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án đã nghiêm túc thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình. Nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án, vắng mặt tại phiên tòa ngày 28/6/2019 và ngày 10/7/2019, HĐXX căn cứ khoản 1 điều 227; Khoản 1 điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự để xét xử.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị H và anh Phạm Văn B đã kết hôn trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn tại UBND xã HTh, huyện KM, tỉnh Hải Dương, đã được cấp giấy chứng nhận kết hôn, đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp, được pháp luật bảo vệ.

Về mâu thuẫn vợ chồng: Mặc dù anh Phạm Văn B không đến Tòa án làm việc, song qua lời khai của chị Nguyễn Thị H cũng như lời khai của bà Đỗ Thị M cho thấy, từ năm 2017 cho đến nay giữa chị H và anh B xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng mỗi người sống một nơi, xa cách về tình cảm, không thực sự quan tâm, chăm lo cho hạnh phúc gia đình. Bên cạnh đó, anh B làm nghề lái xe, hay đi làm ăn xa và có những quan hệ xã hội khiến chị H không tin tưởng, năm 2018 chị H đã yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn, sau đó chị đã rút đơn để vợ chồng đoàn tụ, cải thiện tình cảm, nhưng không đạt được kết quả. Nay trên thực tế, chị H và anh B sống ly thân đã lâu, không quan tâm, chăm lo cho hạnh phúc gia đình, việc duy trì hôn nhân không đạt được mục đích, chị H yêu cầu ly hôn anh B, Hội đồng xét xử căn cứ điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu của chị H.

[4]. Về con chung: Chị Huyền và anh Bình có một con chung là Phạm Tuấn K, sinh ngày 12/5/2011, xét thấy từ nhỏ đến nay cháu K do chị H nuôi dưỡng, hiện cháu học ổn định tại trường Tiểu học xã HTh, chị H có nghề nghiệp là giáo viên, thu nhập ổn định, nên HĐXX xét giao cho chị H có quyền trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Kiệt. Về cấp dưỡng nuôi con do chị H không yêu cầu nên HĐXX không đặt ra xem xét.

Sau khi ly hôn, anh B có quyền thăm nom con chung và không ai được cản trở anh thực hiện quyền này.

[5] Về tài sản chung, công nợ chung: Chị H, anh B không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không xem xét.

[6] Về án phí: Chị H phải chịu án phí theo quy định tại điều 26, 27 Nghị quyết 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

## QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng điều 56, 57, điều 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 28, điều 35; điều 39; điều 70; điều 71; điều 72; điều 147; điều 227; điều 228; điều 235; điều 271; điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 26, 27 nghị quyết 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

[1]. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị H và anh Phạm Văn B ly hôn.

[2]. Về con chung: Giao cho chị Nguyễn Thị H được quyền trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung Phạm Tuấn K, sinh ngày 12/5/2011.

Về cấp dưỡng nuôi con: không đặt ra xem xét giải quyết.

Sau khi ly hôn, anh B có quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở anh thực hiện quyền này.

[3]. Án phí: Chị Nguyễn Thị H phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm và được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng chị đã nộp theo biên lai thu số AA/2018/0007124 ngày 16/4/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Lạng Giang.

Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử công khai sơ thẩm.

### **Nơi nhậm:**

-VKSND huyện Lạng Giang;

-THADS huyện Lạng Giang;

-Các đương sự;

-UBND xã HTh, huyện KM.

-Lưu.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**  
**Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa**

**Nguyễn Thị Hằng**

